

Số: 33/TB-UBND

Thượng Đình, ngày 11 tháng 7 năm 2024

THÔNG BÁO
Về việc niêm yết công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng năm 2024 của UBND xã Thượng Đình

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 10/4/2024 của UBND xã Thượng Đình Về việc công bố công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý 1 năm 2024 của UBND xã Thượng Đình.

Ủy ban nhân dân xã Thượng Đình thông báo công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã 6 tháng năm 2024 của UBND xã Thượng Đình cụ thể như sau:

1. Nội dung niêm yết công khai

Gồm các biểu mẫu sau: 113, 114, 115

2. Hình thức công khai

- Niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Thông báo trên trang thông tin của xã;
- Thông báo bằng văn bản gửi phòng Tài chính- kế hoạch, gửi cho Đảng ủy, các tổ chức chính trị - xã hội ở xã và trưởng xóm 15 xóm.

**BIÊN BẢN
Niêm yết công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã 6 tháng năm 2024
của UBND xã Thượng Đình**

Hôm nay, hồi 08 giờ ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại UBND xã Thượng Đình gồm có:

- | | |
|---------------------------|---------------------------------|
| 1. Ông : Hoàng Đình Âm | - Chủ tịch UBND |
| 2. Bà : Dương Thị Mai Lan | - Công chức tài chính – kế toán |
| 3. Ông : Dương Đình Hiền | - Văn phòng- Ghi biên bản |
| 4. Ông Nguyễn Như Văn | - Phó chủ tịch HĐND xã |
| 5. Ông Nguyễn Đình Thi | - Phó Bí thư Đảng xã |
| 6. Ông Dương Đình Thắng | - Chủ tịch MTTQ xã |

***/ Nội dung:**

Theo thông tư 343/2016/TT-BTC về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

UBND xã Thượng Đình Niêm yết công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý 1 năm 2024 của UBND xã Thượng Đình với nội dung sau:

- Nội dung niêm yết: Biểu công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý 1 năm 2024 của UBND xã Thượng Đình.

(Có biểu kèm theo).

- Thời gian niêm yết bắt đầu kể từ ngày: 11/7/2024 đến hết ngày 11/8/2024

- Hình thức niêm yết: Công khai trên trang thông tin của xã, Dán niêm yết tại UBND xã Thượng Đình

Biên bản lập xong hồi 08 giờ 30 cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN


Dương Đình Hiền

CHỦ TỊCH UBND

Hoàng Đình Âm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THƯỢNG ĐÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 162/QĐ-UBND

Thượng Đình, ngày 11 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã
6 tháng năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THƯỢNG ĐÌNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Theo đề nghị của công chức Tài Chính kế toán xã;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã quý 1 năm 2024 của UBND xã Thượng Đình (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, Ban tài chính xã tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng xóm trong xã;
- Lưu: Văn phòng UBND, Ban Tài chính./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH



Hoàng Đình Âm

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ (6 THÁNG, NĂM)

Từ tháng 1 đến tháng 6 Năm 2024

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (6 THÁNG, NĂM)	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3
I	Tổng số thu	290.000.000	4.461.768.467	1.538,54
1.	Các khoản thu 100%	50.000.000	20.878.100	41,76
2.	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	240.000.000	46.820.297	19,51
3.	Thu chuyển nguồn		30.070.070	
4.	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		4.364.000.000	
	- Bổ sung cân đối ngân sách		3.030.000.000	
	- Bổ sung có mục tiêu		1.334.000.000	
II.	Tổng số chi	6.716.500.000	3.997.330.526	59,52
1.	Chi đầu tư phát triển		1.280.000.000	
2.	Chi thường xuyên	6.716.500.000	2.717.330.526	40,46
3.	Dự phòng			



Biểu số 114/CK TC-NSNN (Ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH Mã
QHNS: 1013138

Biểu số 114/CK TC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ

Từ tháng 1 đến tháng 6 Năm 2024

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
Tổng số thu	295.000.000	290.000.000	4.560.834.718	4.461.768.467	1.546,05	1.538,54
I. Các khoản thu 100%	50.000.000	50.000.000	21.369.806	20.878.100	42,74	41,76
- Phí, lệ phí	30.000.000	30.000.000	13.878.100	13.878.100	46,26	46,26
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
- Thu khác	20.000.000	20.000.000	7.491.706	7.000.000	37,46	35
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	245.000.000	240.000.000	145.394.842	46.820.297	59,34	19,51
1. Các khoản thu phân chia	49.000.000	49.000.000				
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	30.000.000	30.000.000				
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	19.000.000	19.000.000				

- Lệ phí trước bạ nhà, đất						
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	196.000.000	191.000.000	145.394.842	46.820.297	74,18	24,51
- Thuế giá trị gia tăng	123.000.000	118.000.000	48.771.140	46.820.297	39,65	39,68
- Thuế TNDN						
- Thuế thu nhập cá nhân	73.000.000	73.000.000	96.623.702		132,36	
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyển nguồn			30.070.070	30.070.070		
V. Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên			4.364.000.000	4.364.000.000		
- Bổ sung cân đối ngân sách			3.030.000.000	3.030.000.000		
- Bổ sung có mục tiêu			1.334.000.000	1.334.000.000		

Ngày 10 tháng 7 năm 2024



ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THƯỜNG ĐÌNH Mã QHNS:
1013188

Biểu số 115/CK TC-NSNN (Ban hành kèm theo Thông tư số
343/2016/TT-BTC ngày 30/12/ 2016 của Bộ Tài chính)

Biểu số 115/CK TC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ

Từ tháng 1 đến tháng 6 Năm 2024

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Tổng chi ngân sách xã	8.163.500.000	1.334.000.000	6.829.500.000	3.997.330.526	1.280.000.000	2.717.330.526	48,97	95,95	39,79
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	1.150.000.000		1.150.000.000	321.857.190		321.857.190	27,99		27,99
- Chi dân quân tự vệ	650.000.000		650.000.000	176.497.190		176.497.190	27,15		27,15
- Chi trật tự an toàn xã hội	500.000.000		500.000.000	145.360.000		145.360.000	29,07		29,07
2. Chi giáo dục									
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế	97.000.000		97.000.000	32.400.000		32.400.000	33,4		33,4
5. Chi văn hóa, thông tin	65.000.000		65.000.000	8.871.650		8.871.650	13,65		13,65
6. Chi phát thanh, truyền hình									
7. Chi thể dục, thể thao	25.000.000		25.000.000						
8. Chi bảo vệ môi trường	21.960.000		21.960.000						
9. Chi các hoạt động kinh tế	1.334.000.000	1.334.000.000		1.280.000.000	1.280.000.000		95,95	95,95	
- Giao thông	1.334.000.000	1.334.000.000		1.280.000.000	1.280.000.000		95,95	95,95	
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản									
- Thị chính									
- Thương mại, du lịch									
- Các hoạt động kinh tế khác									
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.175.540.000		5.175.540.000	2.230.108.561		2.230.108.561	43,09		43,09

Trong đó: Quỹ lương			2.073.506.815	2.073.506.815		
10.1. Quản lý Nhà nước	2.474.540.000	2.474.540.000	1.002.123.841	1.002.123.841	40,5	40,5
10.2. Hội đồng nhân dân	571.000.000	571.000.000	155.520.520	155.520.520	27,24	27,24
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	915.000.000	915.000.000	514.412.200	514.412.200	56,22	56,22
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	545.000.000	545.000.000	238.214.100	238.214.100	43,71	43,71
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	160.000.000	160.000.000	79.873.600	79.873.600	49,92	49,92
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	140.000.000	140.000.000	71.168.900	71.168.900	50,83	50,83
10.7. Hội Cựu chiến binh	210.000.000	210.000.000	94.584.100	94.584.100	45,04	45,04
10.8. Hội Nông dân	160.000.000	160.000.000	74.211.300	74.211.300	46,38	46,38
10.9. Hội Chữ Thập đỏ						
10.10. Hội Người cao tuổi						
10.11. Hội khuyến học						
10.12. Chi hỗ trợ khác (nếu có)						
11. Chi cho công tác xã hội	295.000.000	295.000.000	124.093.125	124.093.125	42,07	42,07
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác						
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa						
- Trợ cấp xã hội	295.000.000	295.000.000	124.093.125	124.093.125	42,07	42,07
- Khác						
12. Chi khác						
13. Dự phòng						
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau						

Ngày 10 tháng 7 năm 2024

